

CÔNG TY CỔ PHẦN SALE TỐC ĐỘ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SALE TỐC ĐỘ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SALE SPEED JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SSC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108373800

3. Ngày thành lập: 24/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 55/12 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912393636

Fax:

Email: phamthanhhminh72@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
2.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
3.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
8.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân; - Đào tạo kỹ năng giao tiếp và thuyết trình; - Đào tạo kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng; - Đào tạo kỹ năng đàm phán và thương lượng; - Đào tạo kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề; - Trung tâm ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng kiến thức văn hóa (Thông tư Số: 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011)	8559
9.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Dạy nghề	8532

10.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
11.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	In ấn	1811
15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
17.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
18.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
19.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế (Khoản 2 Điều 43 Luật du lịch 2005)	7911
20.	Điều hành tua du lịch	7912
21.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
23.	Quảng cáo	7310
24.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học (Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013)	8560
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Xây dựng nhà các loại	4100
28.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
29.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác; - Kinh doanh thực phẩm chức năng (Thông tư Số: 43/2014/TT-BYT)	4632
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Xây dựng công trình công ích	4220
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

46.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý, môi giới	4610
47.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động (Khoản 2, Điều 3, NĐ Số: 52/2014/NĐ-CP)	7810
50.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết: + Dịch vụ tư vấn bất động sản; + Dịch vụ quản lý bất động sản; + Môi giới bất động sản; (Khoản 2, 5, 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
56.	Phá dỡ	4311
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng. + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
59.	Bán buôn đồ uống	4633
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: + Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; + Bán lẻ tranh ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
64.	Xuất bản phần mềm	5820
65.	Lập trình máy vi tính	6201
66.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
67.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
68.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật	7490
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá - Đại lý bán vé máy bay.	5229
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp ; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn cao su; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh;	4669
71.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH HUY CƯỜNG	162B Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	7,500	013549173	
			Tổng số	15.000	150.000.000	7,500		
2	PHẠM THÀNH MINH	Số 58/256 Đà Nẵng, Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	67,500	030851174	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	67,500		
3	ĐOÀN KIM PHƯỢNG	P106, tập thể Hải Châu, phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	011749316	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THÀNH MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 02/04/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030851174

Ngày cấp: 06/07/2013

Nơi cấp: Công an Thành phố Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 58/256 Đà Nẵng, Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 58/256 Đà Nẵng, Phường Cầu Tre, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội